

Trịnh Căn và *Ngự đề Thiên Hòa doanh bách vịnh*

Nguyễn Mạnh Hoàng^(*)

Tóm tắt: Trong sự phát triển của văn học thời Lê - Trịnh, chúa Trịnh Căn (1633-1709) để lại dấu ấn với thi tập “*Ngự đề Thiên Hòa doanh bách vịnh*”. Bài viết giới thiệu tổng quan về tiểu sử, sự nghiệp của Trịnh Căn; đồng thời trình bày tình hình sưu tầm, nghiên cứu một số tác phẩm của Trịnh Căn (tiêu điểm là “*Ngự đề Thiên Hòa doanh bách vịnh*”) cũng như nêu những nhận định khái quát về giá trị các tác phẩm của ông.

Từ khóa: Trịnh Căn, Tiểu sử, Sự nghiệp, *Ngự đề Thiên Hòa doanh bách vịnh*, Giá trị văn học

Abstract: During the period of literary development in the Lê - Trịnh dynasties, Lord Trịnh Căn made a remarkable contribution with his collection of poems entitled “*Ngự đề Thiên Hòa doanh bách vịnh*”. This paper overviews Trịnh Căn’s life and works. Besides, it introduces the process of collecting and researching Trịnh Căn’s works (focusing on the collection “*Ngự đề Thiên Hòa doanh bách vịnh*”) as well as proposes some comments on the values of his works.

Keywords: Trịnh Căn, Biography, Career, *Ngự đề Thiên Hòa doanh bách vịnh*, Literary Value

Mở đầu

Chúa Trịnh Căn là một tác giả có vị trí khá quan trọng trong văn học sử Việt Nam thời Lê - Trịnh, nhưng thân thế, sự nghiệp và trước tác của ông vẫn chưa được quan tâm nghiên cứu đầy đủ, đúng mức. Nhiều thông tin về tiểu sử, sự nghiệp văn chương của ông vẫn còn ít được biết đến. Bài viết đặt vấn đề tìm hiểu tiểu sử, sự nghiệp và tình hình sưu tầm khảo cứu cũng như giá trị khái quát các tác phẩm của ông - mà tiêu biểu là thi tập *Ngự đề Thiên Hòa doanh bách vịnh* - ngõ hầu bước đầu cho phép hình dung rõ hơn tác gia văn học Trịnh Căn.

1. Tiểu sử, sự nghiệp Trịnh Căn

Trịnh Căn (1633-1709) là con trai thứ tư của Tây vương Trịnh Tạc (1606-1682), nhưng do ba người anh đều mất sớm nên ông được xem là con trưởng kế thừa ngôi chúa. Theo *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Trịnh Căn khi còn ít tuổi vì có tội phải giam trong ngục, sau dùng “kế quỷ quyết” được thoát tội. Trịnh Căn từ vị thế một người bị ruồng bỏ đã được lên ngôi chúa, vượt lên trên những nhân vật quyền lực khác của họ Trịnh. Ngay từ khi còn là Thế tử, Trịnh Căn đã được phong tước Định Nam vương, từng làm Trấn thủ Nghệ An và tham gia chiến tranh Trịnh - Nguyễn. Năm 1682, Trịnh Căn chính thức nối nghiệp chúa, sau tiến phong là Đại Nguyên soái

^(*) TS., Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
Email: hoangnguyenh261280gmail.com

Thông quốc chính Thượng thánh phụ sự Thịnh công nhân minh uy đức Định vương.

Theo *Đại Việt sử ký tục biên*, để trị quốc, chúa Trịnh Căn trọng dụng các danh sĩ tài năng như Nguyễn Danh Nho, Nguyễn Quý Đức, Nguyễn Tông Quai, Vũ Thạnh... Trịnh Căn chú trọng chính đôn bộ máy quan lại, đề cao pháp luật, giữ nghiêm phép nước, ổn định chính sự và chăm lo đời sống nhân dân. Chẳng hạn, năm Giáp Tý (1684), Chúa định thành luật lệnh cho Hiến ty các xứ hằng năm rà soát tình hình đói khổ bệnh tật của dân, cuối năm tập hợp tâu lên. Năm Đinh Mão (1687), Chúa sai quan kinh sư đi các nơi xem thế đất, làm thủy lợi, xét việc khoan giảm và miễn thuế cho dân các xứ. Năm Giáp Tuất (1694), Chúa ra lệnh cho quan địa phương khảo sát, ghi chép cẩn thận về địa giới, núi sông, khe suối, ruộng đất, chùa miếu, chợ búa, bến đò, đường xá,... của từng địa phương để quản lý. Năm Quý Mùi (1703), khi có hạn hán đói kém, Chúa miễn thuế thân cho dân xứ Thanh Hoa, lại xuất tiền bạc cấp cho dân nghèo đói trong kinh thành...

Về phương diện văn hóa giáo dục, cũng theo *Đại Việt sử ký tục biên*, khi ở ngôi chúa, Trịnh Căn cho chấn chỉnh và quản lý chặt chẽ việc học hành thi cử từ Trung ương đến địa phương, cử các quan trọng thân kiêm lĩnh Quốc Tử Giám; định ra quy chế thi cử nghiêm ngặt, đồng thời khôi phục thể văn thời Hồng Đức (chuộng sự hồn hậu, tao nhã, sát thực) thay cho sự khuôn sáo, trùng lặp từ thời Lê Trung hưng về sau: “Từ Trung hưng đến nay những người học hành, chuyên chuộng tầm chương trích cú, văn chương ngày càng thấp kém và dờ. Bài trường thiên đến chỗ trực đoạn tắt dùng một câu “khai giảng”. Để chiếu ứng toàn đoạn thì đặt chữ “nhiên” nhưng ở đầu gọi là “quá tiếp thể” (thể

chuyên tiếp) cứ nhắm mắt mà viết thẳng ra, cho nên thực ra không có cấu tứ gì. Thi, phú, tứ lục đều rập theo thể văn cũ, không ngại trùng lặp. Đến đây mới ra lệnh chấn chỉnh lại. Từ nay phép thi nhất nhất dùng thể văn đời Hồng Đức. Lúc làm bài văn thì tùy câu hỏi, cốt dùng ý mình nghĩ mà viết ra, hơi văn hồn nhiên, không được viết trảm theo lời văn cũ đã thuộc”. (Dẫn theo: Quốc sử viện triều Lê, 2012: 40). Đặc biệt, Chúa sai các Nho thần Lê Hy và Nguyễn Quý Đức biên soạn sách *Bản kỷ tục biên* từ Vua Lê Huyền Tông (1633-1671) đến Vua Lê Gia Tông (1672-1675), tiếp theo phần do Phạm Công Trứ biên soạn từ Vua Lê Trang Tông (1533-1548) đến Vua Lê Thần Tông (1649-1662), trong bộ sách gọi là *Quốc sử thực lục*. Về việc này, *Đại Việt sử ký tục biên* chép: “Mùa đông, tháng mười một, bọn Lê Hy dâng bộ *Quốc sử tục biên thực lục*. Đầu niên hiệu Cảnh Trị (1663), sai Tể thần Phạm Công Trứ biên soạn sử từ Lê Trang Tông đến Lê Thần Tông (1533-1662) nhưng việc khắc in chưa xong. Chúa lại sai Lê Hy, Nguyễn Quý Đức biên soạn từ Lê Huyền Tông (1663-1671) đến Lê Gia Tông (1672-1675) gồm những sự thực trong 13 năm cũng gọi là *Tục biên*” (Dẫn theo: Quốc sử viện triều Lê, 2012: 46). Chúa Trịnh Căn cũng cho hoàn thành việc khắc in bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* (“Nội các quan bản”) vào năm Chính Hòa thứ 18 đời Vua Lê Hy Tông (1697)...

Cuộc đời và sự nghiệp Trịnh Căn thường được học giới đánh giá là gạch nối giữa thời kỳ Trịnh - Nguyễn phân tranh và thời kỳ thái bình của Đàng Ngoài. Nhìn chung, ông đã tiến hành nhiều cải cách chính trị, kinh tế, văn hóa,... tạo ra một thời kỳ khá yên ổn, thịnh vượng của nước nhà. Nhà sử học Phan Huy Chú (1782-1840) ở mục *Nhân vật chí* trong sách *Lịch triều hiến chương*

loại chí đánh giá về chúa Trịnh Căn như sau: “Về chính trị thì thường phạt rõ ràng, mỗi giường chinh đồn, sửa sang nhiều việc, cất dùm anh tài, thành tích trông thấy rõ rệt” (Phan Huy Chú, 2007: 253).

2. Tình hình sưu tầm và nghiên cứu thơ Trịnh Căn

2.1. Tình hình sưu tầm thơ Trịnh Căn

Sự nghiệp văn chương của chúa Trịnh Căn trước hết được đề cập đến trong một số sử sách thời trung đại như *Đại Việt sử ký tục biên*, *Lịch triều tạp kỷ*, *Tang thương ngẫu lục*...

Chẳng hạn, trong *Lịch triều tạp kỷ* (Ngô Cao Lãng, Xiển Trai, 1995), Trịnh Căn đến nhà Thái học làm thơ ca tụng công đức của Thánh nhân, khắc vào bia đá dựng ở cửa nhà Thái học. Theo Phạm Đình Hồ và Nguyễn Ân (1960), Trịnh Căn có bài *Phật Tích sơn tự thi* vịnh thắng cảnh chùa Thầy ở núi Sài Sơn.

Đến thời hiện đại, thơ ca Trịnh Căn dần dần được biết đến nhiều hơn và được sưu tầm ngày càng đầy đủ. Trước năm 1945, trong phạm vi tư liệu chúng tôi nắm được, có lẽ chỉ duy học giả Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố (1889-1947) giới thiệu và phiên âm thơ ca Trịnh Căn. Năm 1930 trên Tập san của Học viện Viễn Đông Bác cổ *Études sur la littérature Sino-Annamite, Bulletin de l'École française d'Extrême-Orient, Tome 30*, Nguyễn Văn Tố có nhắc đến một tập thơ mang tên *Thiên Hòa doanh bách vịnh* (Ký hiệu AB.544) của Trịnh Căn (1682-1709). Đến năm 1934, trên Kỷ yếu của Hội Trí tri, Nguyễn Văn Tố trong bài *Poésies inédites de l'époque des Lê* (Thơ ca thời Lê chưa từng được công bố) cũng phiên âm một số bài thơ Nôm trong thi tuyển mang tên *Khâm định thắng bình bách vịnh* (Bibliothèque E.F.E.O, cote AB.587): *Vịnh Nhị Hà*, *Vịnh chùa Phả Lại*, *Vịnh chùa núi Yên Tử*, *Vịnh*

thái bình... Trên *Tri tân*, trong mục “Tài liệu để đánh chính các bài văn cổ” Nguyễn Văn Tố giới thiệu thơ của Trịnh Căn như sau: “Những bài thơ lấy trong quyển *Ngự đề Thiên Hòa doanh bách vịnh thi tập* của Trịnh Căn (1682-1709, có người gọi là Trịnh Côn) chưa ai dịch ra quốc ngữ. Tôi có nói đến tập thơ này trong quyển *Bulletin de l'École française d'Extrême - Orient* từ năm 1930, quyển XXX, trang 144; nhưng từ bấy giờ đến nay vẫn chưa có ai in ra quốc ngữ (...) Lỗi viết chữ ở quyển *Thiên Hòa doanh bách vịnh* xem ra rất khó; sau này thu thập được nhiều, chúng tôi sẽ làm một bài khảo cứu về các lỗi chữ Nôm từ lỗi khắc trên mặt bia đến những lỗi viết trong các sách cổ” (Nguyễn Văn Tố, 1941: 16). Trong nhiều bài tiếp theo của mục *Tài liệu để đánh chính các bài văn cổ*, Nguyễn Văn Tố tuần tự phiên âm mấy chục bài thơ trong *Ngự đề Thiên Hòa doanh bách vịnh*. Điều đáng tiếc là, Nguyễn Văn Tố đã hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1947), nên ông đã không kịp thực hiện dự định nói trên. *Ngự đề Thiên Hòa doanh bách vịnh* sau đó chưa từng được giới thiệu trọn vẹn nên giới nghiên cứu cũng chưa có điều kiện để đánh giá đúng những đóng góp của Trịnh Căn đối với nền văn học nước nhà.

Ngô Đức Thọ (1996) cho biết, ông may mắn được một người trong Trịnh tộc cho xem di thư của tiên nhân, trong đó có cuốn *Ngự đề Thiên Hòa doanh bách vịnh*. Văn bản này đã có từ lâu, nhưng có lẽ không phải nguyên bản. Qua việc nhận dạng chữ viết, nhà nghiên cứu nhận định “lỗi chữ Nôm trong tập chép hoàn toàn là lỗi chữ Nôm đời Lê. Về nội dung, qua so sánh thấy khớp với các bài cụ Nguyễn Văn Tố đã phiên âm, giới thiệu” (Ngô Đức Thọ, 1996: 16).

Như vậy, đến trước năm 1945, có lẽ thơ Trịnh Căn chỉ được giới thiệu, phiên

âm chủ yếu bởi học giả Nguyễn Văn Tố. Thời đó, khi làm việc trong Học viện Viễn Đông Bác cổ, ông đã được đọc một số sưu tập thơ ca họ Trịnh nguyên bản trong Thư viện của Học viện và đã trích lục nhiều thơ Trịnh Căn mà các nhà nghiên cứu, các sách chuyên khảo sau này cũng trích lại từ đây. Sau năm 1945, trong các công trình thư mục, biên khảo, các nhà nghiên cứu ít nhiều cũng có liệt kê, sưu tầm, giới thiệu, phiên âm thi ca Trịnh Căn.

Năm 1960, Phạm Văn Diêu dựa vào tài liệu của Học viện Viễn Đông Bác cổ, có giới thiệu thơ Trịnh Căn: *Chùa núi Yên Tử, Vịnh bia Văn Miếu, Vịnh thái bình thi trong Ngự đề Thiên Hòa doanh bách vịnh thi tập* và chú thích: “Sách viết bằng chữ Nho và chữ Nôm, ký hiệu AB.544. Riêng bài *Chùa núi Yên Tử* ‘còn thấy chép trong *Khâm định thặng bình bách vịnh thi tập*” (Phạm Văn Diêu, 1960: 619).

Trong bộ *Tổng tập văn học Việt Nam* tập 7, các soạn giả đã phiên âm, chú thích mấy chục bài thơ Nôm của chúa Trịnh Căn. Sách này cũng cho biết, hiện nay ở một số thắng tích còn lưu giữ được bút tích của ông cho khắc lại trên ván gỗ hoặc bia đá, như bài *Pháp vũ tự thi* ở chùa Đậu (huyện Thường Tín, Hà Nội), bài *Phật Tích sơn tự thi* (ở Sài Sơn, huyện Quốc Oai, Hà Nội)... Số thơ ca đó “được người đời sau sưu tập trong *Ngự đề Thiên Hòa doanh bách vịnh*, còn gọi là *Khâm định thặng bình bách vịnh*” (Bùi Duy Tân, 1997: 116).

Về việc sưu tầm tư liệu thơ Trịnh Căn qua các tư liệu văn bia, biển gỗ, đáng chú nhất là những kết quả khảo cứu của Đinh Khắc Thuân. Trong *Hai bài thơ quốc âm ở chùa Đậu và Chữ Nôm trên văn bia thời Lê (thế kỷ XV-XVIII)*, ông giới thiệu Trịnh Căn có hai bài thơ Nôm, một bài khắc trên biển gỗ treo tại nhà Thái học, Văn Miếu, Hà Nội

đề năm Ất Hợi (1695) quý Đông; một bài khác khắc trên biển gỗ chùa Đậu, có niên đại 1698.

Năm 2008, trong *Tổng tập văn học Nôm Việt Nam* (tập 2) do Nguyễn Tá Nhí chủ biên, thi tập *Ngự đề Thiên Hòa doanh bách vịnh* của Trịnh Căn được phiên âm và giới thiệu đầy đủ.

2.2. Tình hình khảo cứu văn bản thơ Trịnh Căn

Ngoài sưu tầm và giới thiệu thi ca Trịnh Căn, các nhà nghiên cứu cũng nỗ lực xác minh văn bản thơ Trịnh Căn. Chúng tôi xin được tổng hợp như sau:

Một số thơ Nôm của Trịnh Căn trong *Khâm định thặng bình bách vịnh* bị chép lẫn trong *Hồng Đức quốc âm thi tập* như *Vịnh cung miếu thi* (bài 2). Đặc biệt, chùm thơ *Thập nhị quỳnh ca* (thơ đề vịnh 12 tháng trong năm) cũng thấy chép trong *Hồng Đức quốc âm thi tập* với ít trường hợp dị biệt. Theo một khảo sát của Trần Thị Giáng Hoa, 4 bài thơ vịnh chùa Pháp Vân chép trong *Hồng Đức quốc âm thi tập* là *Thiên Phúc tự, Trấn Vũ quán, Pháp Vũ tự, Trấn Quốc tự* không phải của Lê Thánh Tông mà có thể là “thơ của các tác giả thế kỷ XVII như Trịnh Căn, Trịnh Cương...” (Trần Thị Giáng Hoa, 2013: 76). Thực tế hai bài *Trấn Vũ quán, Pháp Vũ tự* cũng có chép trong thi tập của Trịnh Căn.

Hiện nay, trong các kho sách Hán Nôm của Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Sử học, Viện Văn học (thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam), Thư viện Quốc gia Việt Nam... cũng không thấy có sưu tập thơ Nôm nào là *Ngự đề Thiên Hòa doanh bách vịnh* của Trịnh Căn như Nguyễn Văn Tố đề cập đến từ những năm 30 của thế kỷ XX, mà chỉ thấy ở Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm có một sưu tập thơ mang tên *Khâm định*

thăng bình bách vịnh tập. Cuốn *Di sản Hán Nôm Việt Nam thư mục đề yếu* mô tả sách này như sau: “do Bình An Vương ngự đề, 1 bản viết, 83 trang (ký hiệu AB.587), 90 bài thơ của Trịnh Tùng đề vịnh về đền chùa, danh lam thắng cảnh, thiên văn, địa lý, thời tiết... 10 bài thơ về *Hồ Thiên (Hồ Thiên thập vịnh)* chỉ thấy đề mục mà không thấy thơ” (Trần Nghĩa - Francois Gros, 1993: 23). Sách này là một bản chép tay nhưng nét chữ viết còn rõ ràng, lối viết chữ Nôm khá cổ. Cuối sách có dòng chữ *Lê triều Đại nguyên soái Thống quốc chính Thái sư Thượng phụ Bình An vương ngự đề*. Nếu chỉ căn cứ vào dòng lạc khoản cuối sách như vậy thì có thể phỏng đoán đây là tập thơ của Bình An vương Trịnh Tùng (1570-1623). Tuy nhiên, bằng sự so sánh đối chiếu tập thơ này và tập thơ *Ngự đề Thiên Hòa doanh bách vịnh* mà Nguyễn Văn Tố giới thiệu trên *Tri tân Tạp chí*, Nguyễn Tá Nhí (2008) đã chỉ ra nhiều điểm giống nhau, ít có dị biệt, chẳng hạn: Cả hai tập đều thấy có “bách vịnh”, đều là “ngự đề”; Hai tập thơ đều ghi là bách vịnh (100 bài), đều do các bậc đế vương sáng tác (Ngự đề); Nội dung các bài thơ ở hai tập giống nhau hoàn toàn, ngay cả thứ tự sắp xếp các bài cũng giống nhau. Nghiên cứu sâu nội dung văn bản, Nguyễn Tá Nhí khẳng định “*Ngự đề Thiên Hòa doanh bách vịnh* chính là tên gọi khác của *Khâm định thăng bình bách vịnh*”, đó chính là tập thơ của Định Nam vương Trịnh Căn.

Đình Khắc Thuân (2012: 471) cũng tán đồng với quan điểm đó, ông bổ sung rằng: “Sở dĩ *Di sản Hán Nôm Việt Nam thư mục đề yếu* giới thiệu tập này là của Trịnh Tùng (1570-1622), bởi lẽ ở cuối sách có dòng chữ *Lê triều Đại nguyên soái Thống quốc chính Thái sư Thượng phụ Bình An vương triều Lê đề thơ*. Tuy nhiên, cũng ở dòng chữ

Hán trong sách này, bên cạnh chữ *An* (Bình An vương) được sửa thành chữ *Định* tức Định Nam vương Trịnh Căn. Do vậy có thể đã có một số bài thơ Nôm của Trịnh Tùng nhưng không thể tất cả đều là sưu tập thơ Nôm của Trịnh Tùng. Một thực tế nữa là hai bài thơ khắc biển gỗ (1 bài ở Văn Miếu, 1 bài ở chùa Đậu) cũng được chép trong sách *Khâm định thăng bình bách vịnh thi tập* này. Rõ ràng là nếu tập sách này không phải hoàn toàn của Trịnh Căn thì cũng có khá nhiều bài của Trịnh Căn”.

2.3. Tình hình nghiên cứu thơ Trịnh Căn

Bên cạnh việc sưu tầm, phiên dịch văn bản thơ ca Trịnh Căn, học giới cũng quan tâm nghiên cứu đánh giá tác phẩm của Trịnh Căn.

Phạm Văn Điều (1960: 618-619) có nhận xét thơ Trịnh Căn như sau: “rõ giọng một đấng bề trên cao quý, nội dung nhuốm màu đạo lý, thường có chủ đích ca tụng nền thịnh trị thái bình”.

Năm 1961, Bùi Văn Nguyên (1961: 202) đánh giá tập thơ *Ngự đề Thiên Hòa doanh bách vịnh* như sau: “là một trăm bài thơ làm ở điện Thiên Hòa nhân lúc nhàn rỗi. Trịnh Căn bắt chước Lê Thánh Tông làm thơ ca tụng triều đại của mình, đồng thời ca tụng công đức của mình. Ý đồ biểu lộ trong bài tựa của tập thơ... Sự thật, thời đại Trịnh Căn không phải thời đại Lê Thánh Tông, do đó, thơ Trịnh Căn có nói lên về thịnh trị của triều mình cũng chỉ là gắng gượng: (...) Tuy vậy, thỉnh thoảng cũng có những câu khá chải chuốt, có dáng dấp thơ thời Hồng Đức”.

Ngô Đức Thọ đã phân tích một số quy tắc thơ Hàn luật qua việc khảo sát tường tận, công phu tập thơ của Trịnh Căn với bảng thanh luật của 41 bài thơ thất ngôn thể trắc, 37 bài thơ thất ngôn thể bằng, 10 bài

thất ngôn xen lục ngôn. Từ đó đưa ra một số kết luận: “Thơ Đường luật Trung Quốc, từ thứ 3, thứ 5 của câu 1 và từ thứ 3 của câu 4 thuộc diện lựa chọn tự do (B hoặc T). Ở thơ Nôm thất ngôn Đường luật của ta các từ đó phải thực hiện một quy định cứng, lần lượt là B, T và B (...) Đối với một luật cô đọng mà đặc điểm chủ yếu thể hiện ở cấu trúc thanh điệu bằng trắc theo vị trí đặc điểm của từng từ, từ nó ảnh hưởng đến từ kia như luật Đường thì việc quy định đối với ba vị trí trên đây đủ để hình thành sắc thái riêng cho các sáng tác thơ Nôm thất ngôn của Việt Nam (...) Một sự thay đổi (hoặc gọi là cải biên, sửa đổi v.v...) như vậy đối với luật thơ nổi tiếng như luật thơ Đường, đích thực là một sự kiện lớn của nền văn học dân tộc” Ngô Đức Thọ (1996: 21).

Bùi Duy Tân (1997: 117) nhận định: “Thơ Nôm Trịnh Căn có phong cách thơ Nôm thời Hồng Đức, điêu luyện chải chuốt, có khi rơi vào cầu kỳ khuôn sáo, nhưng nhìn chung cũng là một tập thơ có khí sắc, nhất là với các bài thơ đề vịnh; thể hiện niềm tự hào về văn vật, cảnh quan đất nước và cuộc sống thái bình, ổn định”. Nguyễn Phạm Hùng (2006: 106-107) khi khảo sát giai đoạn phát triển rực rỡ của thể thơ này có kể đến *Ngự đề Thiên Hòa doanh bách vịnh* của Trịnh Căn. Tác giả cũng thống kê 10 bài thất ngôn xen lục ngôn trong tập thơ và đưa ra nhận xét: “Những bài thơ làm theo thể thất ngôn xen lục ngôn trong *Ngự đề Thiên Hòa doanh bách vịnh* của Trịnh Căn so với thơ của Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông và các thi sĩ thời Hồng Đức, hay thơ Nguyễn Bình Khiêm, thực không có điểm gì đặc sắc, nổi trội, nếu không muốn nói là kém hẳn về tư tưởng và nghệ thuật. Đó chủ yếu là những bài thơ đề vịnh, tán tụng”.

Theo Đinh Khắc Thuân (2007: 27), nội dung những tác phẩm Nôm của Trịnh Căn

“liên quan đến sinh hoạt của các bậc đế vương và nơi cung cấm, như các bài vịnh cung miếu, văn miếu, vịnh cảnh thái bình, lầu vua, kiệu hoa, kiệu rồng, xe loan, võng đào, tán che, cò, ngựa, voi, thuyền, sung, nỏ, cung, kiếm, quân giáp, đào nương, ô đẽ, đàn tranh,... số khác vịnh trời đất, bốn mùa. 12 tháng trong năm cùng cây cảnh biểu trưng mà bậc quân tử thường dùng như tùng, trúc, mai... Một số lớn khác đề vịnh các danh tích trong dân gian như chùa Khán Sơn, chùa Phật Tích, núi Yên Tử, chùa Pháp Vũ, chùa Phả Lại, chùa Thanh Mai, quán Chân (Trần) Vũ”.

3. Về giá trị tác phẩm của Trịnh Căn

Thi tập *Ngự đề Thiên Hòa doanh bách vịnh* của Trịnh Căn có 90 bài thơ, trong đó có 88 bài thơ Nôm viết theo thể thơ thất ngôn bát cú. Trong số đó, nhiều bài có ghi kèm theo lời dẫn khá dài bằng Hán văn của chính tác giả, nói rõ nguyên do, hoàn cảnh làm bài thơ, đồng thời có ngụ cả ở những lời dẫn thuyết đạo ngôn chí. Chẳng hạn, lời dẫn cho các bài thơ vịnh Văn Miếu Quốc Tử Giám thể hiện tư tưởng “nội Thánh ngoại Vương” của Tống Nho: “Ta vâng nói nên vương, tự cảm vương chính. Tôn phò hoàng đế giữ vững dư đồ. Dùng văn giáo để tô vẽ thái bình, chọn nhân tài mà lo nên trị đạo. Nghĩ rằng: nhân, nghĩa, lễ, nhạc, vốn đã có bậc tôn sư. Xem xét trong điển tịch, đến thăm nhà Thái học, làm lễ bái yết, hết mực tôn kính. Ngửa trông ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, mệnh mang như nguồn suối chảy khắp. Lòng đạo bừng dậy, từ thơ nảy sinh. Dường thấy mưa ngọt tuôn ra ở ao vàng, mây trời lênh láng trên tầng thượng phẩm. Bèn làm ra hai bài thơ Đường luật, hai bài thơ quốc âm, đại để là hình dung đạo đức công nghiệp của thánh nhân. Tuy chưa dễ thấy bến bờ của biển cả, song cũng đủ thấy ý rất mực sùng Nho trọng đạo, vậy

nên lưu lại trên bia đá” (Dẫn theo: Nguyễn Tá Nhí, tập 2, 2008: 36-37). Ngoài ra, chùm thơ *Tam diệu đại thống* của Trịnh Căn còn luận về “Thiên”, “Địa”, “Nhân”, còn gọi là “Tam tài”. Trời (quẻ Càn) ở đúng ngôi vị, có đức lớn thì muôn vật phát triển:

*Nghiệm trước hồn nhiên nẻo triệu thành,
Nhưng nhưng gồm được khí khinh thanh.
Ngàn trùng xa thăm hừng chu phú,
Tám tiết xoay vần vốn kiện hành.
Đức cả gọi nhuần vạn vật,
Ơn nhiều dưỡng khắp khắp quần sinh.
Dẫu xem sang đầy dòng trung đạo,
Vị dục công phen thưởng thái hanh.*

Đất (quẻ Khôn) nhu thuận, khoan dung, nuôi dưỡng muôn vật:

*Phán đoán khen ai khéo tạo đoan,
Đặt làm chuẩn vọng có bao hoàn.
Thế phương trọng đích trợ trợ vững,
Hình ảnh chân càng phức phức an.
Này cấu sơn cao này thủy niểu,
Chón vầy hổ cứ chón long bàn.
Dung tàng thảy thảy không so ví,
Tư tưởng muôn loài thể lượng khoan.*

Trời đất giao hòa thì muôn vật sinh sôi phát triển. Bậc quân vương có đức “trung tín”, “hiếu thành”, biết gây dựng nên kỷ cương pháp độ và có kế sách tốt sẽ tạo nên xã hội thịnh trị:

*Hiệu cửu hoàng xưa đã rết danh,
Khấp hơn thứ vụng rất tinh anh.
Bình tâm dốc vẹn bề trung tín,
Suất tinh bền gìn chữ hiếu thành.
Gây dựng kỷ cương nên biểu thịnh,
Sửa sang pháp luật ắt chiêu minh.
Duệ thông đáng ấy trời dành hậu,
Dành mở tuy du mở trị lành.*

Có thể thấy, thơ Trịnh Căn tràn đầy cảm hứng ca tụng và thuyết giáo tư tưởng Nho gia. Lối thơ tụng ca, thù phụng vốn đã rất phổ biến ở thời Lê Thánh Tông với *Hồng Đức quốc âm thi tập*. Đến thời Lê Trung

hung, chúa Trịnh Căn cùng các Nho thần trong cung vua, phủ chúa vẫn mãi mê tiếp nối khuynh hướng đó. Cũng giống như Lê Thánh Tông, Trịnh Căn làm thơ để ca tụng vương triều, đề cao công đức thánh nhân, tưởng nhớ công ơn tổ tiên và đồng thời ca ngợi công lao của chính mình. Khi phò vua đến tế đàn Nam Giao, chúa Trịnh Căn tự hào bày tỏ về cảnh thịnh trị của triều đại: “Ta nối lấy nghiệp vương, giữ gìn nghiệp lớn. Nhân dịp đầu xuân chọn được ngày tốt, thân phò xa giá kính cẩn đến bái yết. Ngửa trông đức lớn, lòng lộng khôn lường, niềm cung kính tự đáy lòng phát ra. Nhân nối vần thơ Nghiêu Thuấn, làm ra một bài quốc âm để tỏ lòng thành kính vậy” (Nguyễn Tá Nhí, tập 2, 2008: 18). Còn ở bài thơ *Vịnh cung miếu thi*, nhà thơ cũng ca ngợi nền trung hưng vững vàng:

*Trung hưng đem lại vững nền vương,
Sửa đẹp nhiều thu sức đảm đương...
Dõi truyền tin xã muôn đời thịnh,
Sáng để huân danh bốn bể vang.
(*Vịnh cung miếu thi*, bài 1)*

Và cũng tưởng nhớ công đức tổ tiên:
*Dây đức thần cơ chí mở mang,
Công thu vẹn chính triều cương.*

Ngoài ca tụng triều đại, thơ Trịnh Căn cũng có nhiều bài vịnh cảnh trí thiên nhiên, ngợi ca cuộc sống thái bình, khen nghệ sĩ đàn hát, ngợi ca công trình kiến trúc với khẩu khí của bậc vương giả. Thơ vịnh thiên nhiên của Trịnh Căn chải chuốt, bóng bẩy. Tiêu biểu như các bài: *Phật Tích sơn tự thi* miêu tả chùa Thiên Phúc (chùa Thầy) ở chân núi Phật Tích, *Vịnh Các Cờ động thi* miêu tả vẻ đẹp kỳ lạ của hang Các Cờ trong núi Sài Sơn (huyện Quốc Oai - Hà Nội)...

Nhìn chung, phong cách thơ Trịnh Căn khá gần gũi với phong cách thơ Lê Thánh Tông và văn nhân thời Hồng Đức trong *Hồng Đức quốc âm thi tập*. Có lẽ vì

thể mà có không ít bài thơ của Trịnh Căn được người đời sau chép lẫn, chép chung trong thi tập đó.

Kết luận

Thơ Trịnh Căn chải chuốt, cầu kỳ, mang “khẩu khí đế vương” và có đóng góp quan trọng đối với sự phát triển thơ ca dân tộc, nhất là khi được viết bằng chữ Nôm, loại văn tự mang đậm bản sắc dân tộc. *Ngự đề Thiên Hòa doanh bách vịnh* của Trịnh Căn là một tập thơ Nôm có giá trị ở giai đoạn cuối thế kỷ XVII và là một minh chứng sinh động cho quan điểm: Vua chúa phong kiến Việt Nam thời trung đại cũng rất ý thức đề cao việc sáng tác, phổ biến văn học viết bằng chữ Nôm. Như thế, cần phải có nhiều nghiên cứu sâu để có thể đánh giá đúng vị trí của tác gia Trịnh Căn và *Ngự đề Thiên Hòa doanh bách vịnh* trong lịch sử văn học dân tộc □

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Văn Diêu (1960), *Văn học Việt Nam - văn học sử, giảng văn*, Nxb. Tân Việt, Sài Gòn.
2. Trần Thị Giáng Hoa (2013), *Nghiên cứu thơ Nôm Lê Thánh Tông trong Hồng Đức quốc âm thi tập*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Học viện Khoa học xã hội - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
3. Phạm Đình Hồ, Nguyễn Án (1960), *Tang thương ngẫu lục*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
4. Ngô Cao Lãng, Xiển Trai (1995), *Lịch triều tạp kỷ*, Hoa Bằng - Hoàng Văn Lâu dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Nguyễn Tá Nhí (Chủ biên, 2008), *Tổng tập văn học Nôm*, tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Trần Nghĩa - Francois Gros (Chủ biên, 1993), *Di sản Hán Nôm Việt Nam thư*

mục đề yếu, tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

7. Quốc sử viện triều Lê (2011), *Đại Việt sử ký tục biên [1676-1789]*, Ngô Thế Long, Nguyễn Kim Hưng dịch, Nguyễn Đồng Chi hiệu đính, Tái bản, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
8. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 2, Tổ phiên dịch Viện Sử học dịch, chú thích, Tái bản, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
9. Bùi Duy Tân (Chủ biên, 1997), *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 7, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Đinh Khắc Thuân (2006), “Chữ Nôm trên văn bia thời Lê (thế kỷ XV - XVIII)”, trong: *Nghiên cứu chữ Nôm* (Kỷ yếu Hội nghị Quốc tế về chữ Nôm), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Đinh Khắc Thuân (Chủ biên, 2012), *Thơ văn phủ chúa Trịnh*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
12. Ngô Đức Thọ (1996), “Bước đầu tìm hiểu quy tắc Hàn luật qua tập thơ *Ngự đề Thiên Hòa doanh bách vịnh*”, *Tạp chí Văn học*, số 3.
13. Nguyễn Văn Tố (1930), “Etudes sur la littérature Sino-Annamite”, *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient*, Tome 30.
14. Nguyễn Văn Tố (1934), “Poésies inédites de l'époque des Lê” [Thơ ca thời Lê chưa từng được công bố], *Bulletin de la Société d'Enseignement Mutuel du Tonkin*, Tome XIV, N°1, Janvier-Mars, pp. 30-36; Tome XIV, N°2, Avril-Juin, pp. 182-190; Tome XIV, N°3, Juillet-Sept, pp. 460-463.
15. Nguyễn Văn Tố (1941), “Tài liệu để đính chính những bài văn cổ”, *Tạp chí Tri tân*, số 29.